

Số: /QĐ-SGDĐT

Bình Phước, ngày tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ Hội khỏe Phù Đổng học sinh phổ thông năm học 2022-2023

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 32/2020/QĐ-UBND ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2247/QĐ-SGDĐT ngày 07/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ X năm 2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Hội khỏe Phù Đổng học sinh phổ thông năm học 2022-2023; áp dụng từ cấp trường, cấp huyện và cấp tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng phòng: Giáo dục Trung học, Giáo dục Tiểu học - Mầm non thuộc Sở; Ban Chỉ đạo Hội khỏe Phù Đổng các cấp; Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và các thành viên tham gia Hội khỏe Phù Đổng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ GDTC, Bộ GD&ĐT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: VH TTDL, Tài chính, Y tế;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, GDTrH.

GIÁM ĐỐC

ĐIỀU LỆ

Hội khoẻ Phù Đổng học sinh phổ thông năm học 2022-2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 9 năm 2022)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Hội khoẻ Phù Đổng (HKPD) là Đại hội Thể dục thể thao (TD,TT) học sinh phổ thông nhằm duy trì và đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, thường xuyên tập luyện và thi đấu các môn thể thao trong học sinh phổ thông để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh;

- Thực hiện mục tiêu Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;

- Thông qua HKPD bồi dưỡng và đào tạo tài năng thể thao cho tỉnh nhà chuẩn bị cho HKPD khu vực và toàn quốc; tổng kết, đánh giá công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường phổ thông;

2. Yêu cầu

Hiệu trưởng các đơn vị trực thuộc và trường phòng giáo dục và đào tạo các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt mục đích, ý nghĩa của HKPD đến toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh các cấp và chỉ đạo tổ chức HKPD các cấp theo quy định của Điều lệ, nhằm khuyến khích động viên học sinh tham gia rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe đáp ứng nhiệm vụ học tập và giáo dục toàn diện;

Tăng cường cơ sở vật chất, sân tập, nhà tập và các trang thiết bị, dụng cụ phục vụ việc dạy và học môn thể dục; tổ chức các hoạt động TD, TT và thi đấu thể thao trong trường học;

Tổ chức HKPD cấp trường theo chu kỳ 1 năm/lần; cấp huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là cấp huyện) tùy theo điều kiện của địa phương, tối thiểu 02 năm/lần (khuyến khích tổ chức 1 năm/lần). Trên cơ sở các môn thi của HKPD tỉnh, tăng cường các môn thi thể thao dân tộc và các nội dung thi đơn giản phù

hợp với đặc thù của từng trường, từng địa phương với mục đích chủ yếu là nâng cao sức khoẻ, rèn luyện thể chất cho học sinh;

HKPD các cấp phải được tổ chức tuyệt đối an toàn, tiết kiệm, hiệu quả, tránh phô trương, hình thức, lãng phí;

Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cực trong các hoạt động TD,TT.

Điều 2. TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO

1. HKPD cấp trường

Hiệu trưởng thành lập Ban Tổ chức HKPD cấp trường, gồm:

- Hiệu trưởng làm Trưởng Ban Tổ chức;
- Các ủy viên là giáo viên bộ môn thể dục, các giáo viên chủ nhiệm và cán bộ phụ trách đoàn, đội.

HKPD cấp trường tổ chức xong trước ngày 15/01/2023.

2. HKPD cấp huyện

Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD cấp huyện, gồm:

- Trưởng Ban Chỉ đạo là lãnh đạo UBND huyện;
- Trưởng Ban Tổ chức là lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT);
- Các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên của Phòng GD&ĐT, các cơ quan ban ngành liên quan..

HKPD cấp huyện tổ chức xong trước ngày 10/02/2023.

3. HKPD cấp tỉnh

Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo và Ban Tổ chức HKPD cấp tỉnh, gồm:

- Trưởng Ban Chỉ đạo là lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trưởng Ban Tổ chức là lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Các ủy viên là lãnh đạo, chuyên viên của Sở GD&ĐT; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành liên quan.

HKPD cấp tỉnh tổ chức trước ngày 30/02/2023.

Điều 3. CÁC MÔN THỂ THAO THI ĐẤU

Gồm 13 môn thi đấu cho 3 cấp Tiểu học (TH), Trung học cơ sở (THCS), Trung học phổ thông (THPT)

1. Môn Điền kinh: TH, THCS,THPT (nam, nữ)

2. Môn Bóng bàn: TH, THCS,THPT (nam, nữ)

3. Môn Bóng đá: TH (nam), THCS (nam), THPT (nam, nữ): TH: 5 người, THCS, THPT: 7 người;

4. Môn Bóng chuyên: THCS, THPT (nam, nữ)

5. Môn Cầu Lông: THCS, THPT (nam, nữ)

6. Môn Đá cầu: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

7. Môn Đẩy gậy: THCS (nam, nữ)

8. Môn Cờ vua: TH, THCS, THPT theo các lứa tuổi (nam, nữ)

9. Môn Bơi: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

10. Môn Taekwondo: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

11. Môn Vovinam: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

12. Môn Karatedo: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

13. Môn Võ Cổ truyền: TH, THCS, THPT (nam, nữ)

3. Các môn thể thao thi đấu cấp trường, huyện

Căn cứ số môn thể thao quy định tại HKPD cấp tỉnh và phong trào thể thao, điều kiện cụ thể của địa phương, Điều lệ để quy định các môn thi đấu tại HKPD cấp trường; cấp huyện cho phù hợp nhằm thu hút đông đảo học sinh tham gia tập luyện và thi đấu.

Điều 4. ĐƠN VỊ VÀ ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Đơn vị tham gia: Mỗi trường THPT, THCS&THPT (sau đây gọi là trường THPT), phòng GD&ĐT huyện, thị xã, thành phố thành lập 01 đoàn tham gia HKPD cấp tỉnh.

2. Đối tượng

2.1. Đối tượng được tham gia HKPD

- Học sinh đang học tại các loại hình trường theo chương trình phổ thông năm học 2022-2023, bao gồm: trường TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học, học sinh học tại trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường bổ túc văn hóa và các loại hình học tập khác;

- Học sinh có đủ sức khỏe thi đấu môn thể thao mà học sinh đó đăng ký tham gia;

- Học sinh THCS, THPT có kết quả xếp loại học lực từ trung bình trở lên và hạnh kiểm từ khá trở lên (*không áp dụng đối với học sinh học TH*).

2.2. Đối tượng không được tham gia HKPD

Học sinh là vận động viên đang được đào tạo tại Trung tâm TDTT tỉnh, học sinh đã tham gia các giải vô địch quốc gia về các môn thể thao; các học sinh đã đoạt huy chương Vàng, huy chương Bạc và huy chương Đồng tại các giải trẻ

quốc gia (từ U17 trở lên) của các môn thể thao do Tổng cục TDTT và các liên đoàn thể thao quốc gia tổ chức.

2.3. Quy định về độ tuổi

- Học sinh TH: 11 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2011);
- + Độ tuổi: 6 - 9 tuổi (sinh từ 01/01/2014 đến 31/12/2017);
- + Độ tuổi: 10 - 11 tuổi (sinh từ 01/01/2012 đến 31/12/2013);
- Học sinh THCS: 15 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2007);
- + Độ tuổi: 12 - 13 tuổi (sinh từ 01/01/2010 đến 31/12/2011);
- + Độ tuổi: 14 - 15 tuổi (sinh từ 01/01/2008 đến 31/12/2009);
- Học sinh THPT: 18 tuổi trở xuống (sinh sau năm 2004);
- + Độ tuổi: 16 tuổi (sinh từ 01/01/2007 đến 31/12/2007)
- + Độ tuổi: 17 – 18 tuổi (sinh từ 01/01/2005 đến 31/12/2006)

2.4. Học sinh ở cấp học dưới quá tuổi theo quy định thì được phép thi đấu ở cấp học trên liền kề, nhưng không được vượt tuổi quy định của cấp học đó. Mỗi học sinh chỉ được đăng ký thi đấu cho 01 đơn vị, ở 01 cấp học và thi đấu không quá 02 môn thể thao .

Điều 5. TÍNH ĐIỂM VÀ XẾP HẠNG

1. Cách tính điểm

Điểm từng nội dung thi (cá nhân, đôi, đồng đội, tập thể) của từng môn thi chỉ tính theo xếp hạng từ thứ 1 đến thứ 10, cách tính như sau:

- Xếp hạng 1=11 điểm;
- Xếp hạng 2=9 điểm;
- Xếp hạng 3=8 điểm;
- Xếp hạng 4=7 điểm;
- Xếp hạng 5=6 điểm;
- Xếp hạng 6=5 điểm;
- Xếp hạng 7=4 điểm;
- Xếp hạng 8=3 điểm;
- Xếp hạng 9=2 điểm;
- Xếp hạng 10 =1 điểm;
- Vòng 1/8 = 3 điểm;
- Vòng 1/16 = 1 điểm.

Đối với các nội dung được chia bảng thi đấu vòng tròn để chọn 2 đội vào thi đấu vòng sau, được tính điểm như sau:

- + Hai bảng: Xếp hạng 3=6 điểm; xếp hạng 4=4 điểm; xếp hạng 5=2 điểm;
- + Bốn bảng: Xếp hạng 3=2 điểm; xếp hạng 4=1 điểm;
- + Tám bảng: Xếp hạng 3=1 điểm;

- Đối với các môn thi đấu có 2 VĐV thi đấu trở lên thì tính điểm như sau: Điểm xếp hạng nhân với số VĐV chính thức thi đấu trên sân. Ví dụ: môn chạy tiếp sức đoạt giải nhất thì $4 \times 11 = 44$ điểm.

2. Xếp hạng cá nhân và đồng đội

Cá nhân, đồng đội tham gia môn, nội dung nào thì được xếp hạng môn đó, thành tích cá nhân, đồng đội được tính thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được để trao huy chương Vàng, Bạc, Đồng. Trường hợp bằng nhau thì bốc thăm.

3. Cách xếp hạng toàn đoàn

- Xếp hạng toàn đoàn được xếp riêng theo khối phòng GD&ĐT và khối trường THPT, gồm:

- + Khối Phòng GD&ĐT: 01 giải nhất, 02 giải Nhì và 03 giải Ba.
- + Khối trường THPT: 01 giải Nhất, 03 giải Nhì và 05 giải Ba.

- Xếp hạng toàn đoàn được tính theo thứ tự từ cao xuống thấp theo tổng số điểm đạt được của các đơn vị. Nếu bằng điểm nhau sẽ xét theo tổng số huy chương theo thứ tự huy chương Vàng, Bạc, Đồng của đơn vị.

- Chỉ xếp hạng cho đoàn nào tham gia ít nhất 5 môn trong đó phải bắt buộc tham gia 3 môn Bóng đá, Bóng chuyền, Điền kinh (đối với các trường THPT). Khối Phòng GD&ĐT tham gia 5 môn Bóng đá, Bóng chuyền, Điền Kinh, đẩy gậy và Bơi lội. Mỗi môn phải tham gia ít nhất 50% nội dung trở lên.

Chương II

ĐIỀU LỆ TỪNG MÔN

Điều 6. MÔN ĐIỀN KINH

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung

2.1. Cấp TH: Chạy 60m, bật xa tại chỗ (nam, nữ); tiếp sức 4 x 50m (nam, nữ);

2.2. Cấp THCS

- Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 1500m, tiếp sức 4 x 100m, tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ) nhảy xa, nhảy cao;

- Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy xa, nhảy cao.

2.3. Cấp THPT

+ Nam: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 5000m, tiếp sức 4 x 100m, tiếp sức 4 x 100m hỗn hợp (2 nam và 2 nữ), nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 5kg;

+ Nữ: Chạy 100m, 200m, 400m, 800m, 1500m, 3000m, tiếp sức 4 x 100m, nhảy cao, nhảy xa, đẩy tạ 3kg.

3. Thể thức thi đấu: Cá nhân, đồng đội

4. Số lượng tham gia

4.1. Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi nội dung cá nhân là 02 VĐV và một đội tiếp sức (được lấy bất kỳ VĐV có tên trong đăng ký thi đấu). Mỗi VĐV được dự thi tối đa 02 nội dung (Không kể nội dung tiếp sức).

4.2. Đủ 03 vận động viên của 03 đơn vị trở lên ở mỗi nội dung thì mới tổ chức thi đấu nội dung đó.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Điền kinh hiện hành của Tổng cục TDTT- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 7. MÔN BÓNG BÀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp

2.2. Cấp THCS

+ Độ tuổi: 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

+ Độ tuổi: 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

2.3. Cấp THPT: Đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ.

3. Thể thức thi đấu : Thi đấu loại trực tiếp

- TH, THCS và THPT: Các trận đều thi đấu trong 5 ván;

- VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu.

4. Số lượng VĐV tham dự

4.1. Mỗi cấp học được đăng ký một đội gồm 6 VĐV nam và 06 VĐV nữ.

4.2. Mỗi cấp học đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 02 đôi nam nữ (cấp THCS đăng ký theo 2 lứa tuổi 12-13 và 14-15).

4.3. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 02 nội dung.

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng bàn hiện hành của Tổng cục TDTT- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Quy định mỗi ván đấu: 11 điểm

5.3. Bóng thi đấu: Bóng Song Hỷ màu trắng có đường kính 40mm.

5.4. Trang phục thi đấu

- Đồng phục trong thi đấu đồng đội và đôi;
- Trang phục không được trùng màu với màu của bóng thi đấu;
- Áo thi đấu của các vận động viên khi tham gia giải đồng đội, đôi và đơn phải có tên đơn vị in đằng sau lưng.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 8. MÔN BÓNG ĐÁ

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung Thi đấu

2.1. TH (nam) và THPT (nữ): Bóng đá 5 người

2.2. THCS (nam) và THPT (nam): Bóng đá 7 người

3. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký:

3.1. TH (nam) và THPT (nữ): 01 đội gồm 12 VĐV.

3.2. THCS (nam) và THPT (nam): 01 đội gồm 14 VĐV.

4. Thể thức thi đấu

4.1. Nếu có từ 32 đội trở xuống thi đấu theo phương thức sau:

- Giai đoạn I: Chia bảng đấu vòng tròn 1 lượt để chọn 2 đội nhất, nhì các bảng vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

- Giai đoạn II: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

4.2. Nếu có trên 32 đội: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

6. Luật thi đấu

6.1. Áp dụng Luật thi đấu Bóng đá 5 người hiện hành của Liên đoàn Bóng đá Việt Nam và Luật thi đấu Bóng đá 7 người do Ủy ban TDTT (nay là Tổng cục TDTT) ban hành.

6.2. Bóng thi đấu: Do Ban Tổ chức quy định.

6.3. TH (nam) và THPT (nữ): Bóng số 4

6.5. THCS, THPT: Bóng số 5.

6.6. Đối với TH: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 20 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

6.7. Đối với THCS và THPT: Thi đấu trong 2 hiệp mỗi hiệp 25 phút, tính cả thời gian bóng ngoài cuộc (giữa 2 hiệp nghỉ 10 phút).

6.8. Giày thi đấu Thi đấu ngoài trời có thể dùng giày đế mềm có nệm chống trơn.

6.9. Phải có bọc ống quyển theo quy định của Luật Bóng đá hiện hành (đối với tất cả các cấp học).

7. Cách tính điểm

7.1. Tính điểm để xếp hạng giai đoạn 1 đấu vòng tròn: Thắng 3 điểm - thua 0 điểm – hoà 1 điểm.

7.2. Xếp hạng giai đoạn 1

* Nếu có từ hai đội trở lên bằng điểm nhau, trước hết tính kết quả của các trận đấu giữa các đội đó với nhau theo thứ tự:

- Số điểm;
- Hiệu số bàn thắng và số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số trên bằng nhau, thì tiếp tục xét các chỉ số của toàn bộ các trận đấu trong giải theo thứ tự:

- Hiệu số của tổng số bàn thắng và tổng số bàn thua;
- Tổng số bàn thắng.

Đội nào có chỉ số cao hơn sẽ xếp trên.

* Nếu các chỉ số vẫn bằng nhau, sẽ tổ chức bốc thăm để xác định đội trên.

7.3. Giai đoạn 2 thi đấu theo thể thức loại trực tiếp không có trận hoà. Nếu hoà trong 2 hiệp chính sẽ thi đá phạt luân lưu để xác định đội thắng (không đá hiệp phụ).

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 9. MÔN BÓNG CHUYÊN

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: THCS và THPT Bóng chuyên nam, nữ (6-6).

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu theo thể thức 3 hiệp thắng 2; mỗi hiệp 25 điểm, riêng hiệp quyết thắng (hiệp 3) thi đấu 15 điểm.

3.1. Nếu có từ 32 đội trở xuống thi đấu theo phương thức sau:

- Giai đoạn I: Chia bảng đấu vòng tròn 1 lượt để chọn 2 đội nhất, nhì các bảng vào giai đoạn II (mỗi bảng không quá 5 đội, số lượng bảng theo công thức 2^n);

- Giai đoạn II: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết (theo mã trận đã được bốc thăm).

3.2. Nếu có trên 32 đội: Đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký ở mỗi cấp học 01 đội nam và 01 đội nữ (mỗi đội gồm 12 VĐV).

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Bóng chuyền hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Bóng thi đấu: Sẽ do Ban Tổ chức quyết định.

6. Cách tính điểm và xếp hạng

6.1. Cách tính điểm trong đấu vòng tròn: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.

6.2. Xếp hạng: Theo Luật Bóng chuyền hiện hành.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 10. MÔN CẦU LÔNG

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp THCS

- Độ tuổi 12-13: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp;

- Độ tuổi 14-15: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ phối hợp.

2.2. Cấp THPT: Đôi nam, đôi nữ, đơn nam, đơn nữ, đôi nam nữ phối hợp.

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp

- Cấp THCS và THPT: Các trận đều thi đấu trong 3 ván, thắng 2.

- VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu.

4. Số lượng VĐV dự thi

4.1. Mỗi cấp học được đăng ký một đội gồm 6 VĐV nam và 06 VĐV nữ.

4.2. Mỗi cấp học đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 02 đôi nam nữ (cấp THCS đăng ký theo 2 lứa tuổi 12-13 và 14-15)

4.3. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 02 nội dung.

5. Luật thi đấu

5.1. Áp dụng Luật Cầu lông hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.2. Các cá nhân cùng đơn vị không gặp nhau trong trận đầu tiên.

5.3. Cầu thi đấu: Cầu VinaStar.

5.4. Trang phục: Đồng phục trong thi đấu đôi.

6. Cách tính điểm và xếp hạng

Tính điểm thi đấu đồng đội để xếp hạng ở vòng I: Thắng 2, thua 1, bỏ cuộc 0 điểm. Nếu 2 đội bằng điểm nhau đội thắng trong trận đấu trực tiếp xếp trên. Nếu có 3 đội trở lên bằng điểm nhau lần lượt sẽ tính tỷ số tổng trận thắng/trận thua; tổng hiệp thắng/ hiệp thua; tổng điểm thắng/tổng điểm thua của các đội đó với nhau.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 11. MÔN ĐÁ CẦU

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

2.2. Cấp THCS: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ;

2.3. Cấp THPT: Đơn nam, đơn nữ, đôi nam, đôi nữ, đôi nam nữ.

3. Số lượng VĐV

3.1. Mỗi cấp học được đăng ký một đội gồm 6 VĐV nam và 06 VĐV nữ.

3.2. Mỗi cấp học đăng ký 02 đơn nam và 02 đơn nữ; 01 đôi nam, 01 đôi nữ; 02 đôi nam nữ.

3.3. Mỗi VĐV được tham gia tối đa 02 nội dung.

4. Thể thức thi đấu

- Thi đấu loại trực tiếp một lần thua nếu có trên 9 VĐV hoặc 9 đôi trở lên tham gia;

- Chia bảng thi đấu vòng tròn 1 lượt nếu có từ 8 VĐV hoặc 8 đôi trở xuống tham gia;

- Chọn nhất, nhì mỗi bảng vào thi đấu loại trực tiếp cho đến trận chung kết.

- VĐV cùng đơn vị không gặp nhau ở trận thi đấu đầu và không cùng bảng đấu với nhau.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Đá cầu hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

5.1. Cầu thi đấu: Sử dụng quả cầu đá TLS (do Công ty cổ phần thể thao TLS sản xuất).

5.2. Trang phục thi đấu: Đồng phục trong thi đấu đôi

5.3. VĐV cùng đơn vị không gặp nhau trong trận thi đấu ở thể thức loại trực tiếp.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 12. MÔN ĐẨY GẬY

Chỉ tổ chức thi đấu cho đối tượng là học sinh THCS

1. Đối tượng dự thi và lứa tuổi: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

- Nam thi đấu 6 hạng cân: Đến 41kg, trên 41kg đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47kg đến 50kg, trên 50kg đến 53kg, trên 53kg đến 56 kg;

- Nữ thi đấu 6 hạng cân: Đến 35kg, trên 35kg đến 38kg, trên 38kg đến 41kg, trên 41 đến 44kg, trên 44kg đến 47kg, trên 47 đến 50kg.

2. Thể thức thi đấu: Tùy theo số lượng VĐV tham dự Ban Tổ chức sẽ quy định thể thức thi đấu.

3. Số lượng VĐV tham gia

Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV thi đấu cho mỗi hạng cân.

4. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu môn Đẩy gậy hiện hành

5. Khen thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi hạng cân.

Điều 13. MÔN CỜ VUA

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Cờ tiêu chuẩn cho tất cả các độ tuổi.

2.1. Cấp TH: thi đấu theo 2 độ tuổi (6 - 9 tuổi, 10 - 11 tuổi).

2.2. Cấp THCS: thi đấu theo 2 độ tuổi (12 - 13 tuổi, 14 - 15 tuổi).

2.3. Cấp THPT: thi đấu theo 2 độ tuổi (16 tuổi, 17 - 18 tuổi).

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân, đồng đội.

3.1. Theo hệ Thụy sĩ trong 7 ván nếu có từ 11 đến 20 VĐV hoặc 9 ván nếu có 21 VĐV trở lên. Trường hợp nếu có 10 VĐV trở xuống thì thi đấu vòng tròn 01 lượt.

3.2. Thời gian thi đấu cho mỗi đấu thủ là: 90 phút để hoàn thành ván cờ

4. Số lượng VĐV: Mỗi đơn vị được đăng ký 02 VĐV nam và 02 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi.

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Cờ vua hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Cách tính điểm xếp hạng: Theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

6.1. Xếp hạng cá nhân theo điểm, tổng điểm đối kháng trong nhóm bằng điểm, hệ số Bucholz, hệ số lũy tiến, số ván thắng, số ván cầm quân đen, số ván thắng bằng quân đen nếu vẫn bằng nhau thì bốc thăm xác định thứ hạng.

6.2. Xếp hạng đồng đội: Tổng điểm đạt được theo xếp hạng của 02 VĐV nam hoặc 2 VĐV nữ ở mỗi độ tuổi, nếu bằng nhau thì tính tổng thứ hạng, nếu bằng nhau thì đội có VĐV xếp hạng cá nhân cao hơn được xếp trên.

7. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 14. MÔN BƠI

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu

2.1. Cấp TH

- Bơi tự do: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m (nam, nữ);

2.2. Cấp THCS

* Độ tuổi 12-13

- Bơi tự do: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);

* Độ tuổi 14-15

- Bơi tự do: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m (nam, nữ);

2.3. Cấp THPT

- Bơi tự do: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ếch: 50m,100m (nam, nữ);
- Bơi ngựa: 50m, 100m (nam, nữ);
- Bơi bướm: 50m, 100m (nam, nữ);

3. Thể thức thi đấu: Thi cá nhân

4. Số lượng tham gia

4.1. Trong mỗi cự ly của từng lứa tuổi, mỗi đơn vị được cử 02 VĐV và một đội tiếp sức dự thi;

4.2. Mỗi VĐV được đăng ký thi đấu tối đa 03 cự ly .

5. Luật thi đấu: Áp dụng Luật Bơi hiện hành của Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 15. MÔN TAEKWONDO

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Tính chất thi đấu: Đối kháng cá nhân (nam, nữ); quyền cá nhân, đôi nam-nữ.

3. Nội dung thi đấu

3.1. Đối kháng cá nhân

3.1.1. Cấp THCS

+ Nam: dưới 33kg, 37kg, 41 kg, 45 kg, 49 kg, 53kg, 57kg, 61kg, 65kg;

+ Nữ : dưới 29kg, 33kg, 37 kg, 41 kg, 44 kg, 47kg, 51kg, 55kg, 59kg;

3.1.2. Cấp THPT

+ Nam : dưới 45kg, 48kg, 51kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg 73kg, 78kg;

+ Nữ : dưới 42kg, 44kg, 46kg, 49kg, 52kg, 55kg, 59kg, 63kg, 68kg.

- Thi đồng đội đối kháng nam, nữ (05 VĐV) cho cả 2 cấp THCS, THPT

3.2. Thi quyền

- Quyền tiêu chuẩn cá nhân nam, cá nhân nữ và đôi nam – nữ; đồng đội nam, đồng đội nữ (05 VĐV).

- TH, THCS: Vòng loại thi 02 trong 04 bài (4, 5, 6, 7); bán kết và chung kết thi 02 trong 04 bài còn lại;

- THPT: Vòng loại thi 02 trong 04 bài (6, 7, 8, 9); bán kết và chung kết thi 02 trong 04 bài còn lại;

4. Thể thức thi đấu: Đấu loại trực tiếp

5. Số lượng VĐV

5.1. Thi đấu đối kháng và quyền cá nhân: Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV tham gia thi đấu ở mỗi hạng cân và 01 VĐV tham thi đấu quyền ở mỗi cấp học.

5.2. Thi quyền: Mỗi đơn vị chỉ được phép cử thi đấu 03 trong 05 nội dung thi đấu quyền của THCS và THPT.

6. Luật thi đấu: Áp dụng Luật của Liên đoàn Taekwondo thế giới do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

6.1. Thời gian thi đấu:

- THCS : 3 hiệp x 1 phút 00, giữa các hiệp nghỉ 1 phút;

- THPT: 3 hiệp x 1 phút 30, giữa các hiệp nghỉ 1 phút.

- Thi đấu đồng đội: 3 hiệp x 5 phút.

6.2. Các nội dung thi đấu đối kháng cá nhân: THCS, THPT thi đấu bằng giáp thường và chấm điểm bằng bảng điện tử.

7. Các quy định khác

7.1. Phải có võ phục Taekwondo có in tên đơn vị ở trước ngực và lưng áo.

7.2. Quần áo phải sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng, không để móng tay, móng chân dài.

7.3. Phải có trang thiết bị bảo vệ cá nhân (bảo hộ tay, chân, ngón tay, kuki, răng).

7.4. Cấp THCS thi đấu bằng mũ Cader (mũ có mặt không cần bảo vệ răng); cấp THPT thi đấu bằng mũ không có mặt nạ nhưng phải có bảo vệ răng.

8. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Điều 16. MÔN VOVINAM

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này

2. Nội dung: Thi quyền và thi đấu đối kháng

2.1. Phần thi quyền

2.1.1. Cấp TH, THCS

- Đơn luyện nam: Tứ trụ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Song luyện nam: Song luyện 1;
- Song luyện nữ: Song luyện 1.

2.1.2. Cấp THPT

- Đơn luyện nam: Ngũ môn quyền và Tứ tượng côn pháp ;
- Đơn luyện nữ: Long hổ quyền và Tinh hoa lưỡng nghi kiếm pháp;
- Song luyện nam: Song luyện số 3;
- Song luyện nữ: Song luyện số 3;
- Đa luyện nam: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đa luyện nữ: Đa luyện tay không và Đa luyện vũ khí;
- Đòn chân tấn công nam: Mỗi đơn vị cử một đội gồm 4 VĐV, mỗi VĐV thi 4 đòn chân;
- Tự vệ nữ: Thực hiện tối thiểu 12 đòn, không quá 3 phút;
- Kết quả bài thi được đánh giá bằng tổng số điểm của 3/5 trọng tài giám định (bỏ điểm cao nhất và thấp nhất);

- Cách xếp hạng: xếp hạng theo thứ tự từ điểm cao đến điểm thấp cho từng bài thi. Nếu có 2 hay nhiều VĐV, tập thể bằng điểm nhau thì xét VĐV, tập thể nào có 1,2.../5 trọng tài cho điểm cao hơn sẽ được xếp thứ hạng trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp đồng hạng.

2.2. Phần thi đấu đối kháng

2.2.1. Cấp THCS: 18 hạng cân (nam 9, nữ 9)

- Nam: 39kg, 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, trên 60kg đến dưới 64kg;

- Nữ: 39kg, 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, trên 60kg đến dưới 63kg;

2.2.2. Cấp THPT: 18 hạng cân (nam 9, nữ 9)

- Nam: 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 64kg, trên 60kg đến dưới 68kg;

- Nữ: 42kg, 45kg, 48kg, 51kg, 54kg, 57kg, 60kg, 63kg, trên 63kg đến dưới 66kg;

3. Thể thức thi đấu: Thi đấu loại trực tiếp một lần thua.

4. Số lượng VĐV tham gia

4.1. Thi Quyền

- Mỗi đơn vị được đăng ký tham gia 01 VĐV hoặc một đội ở mỗi nội dung (một bài) thi;

- Mỗi VĐV chỉ được đăng ký thi đấu tối đa 2 nội dung.

4.2. Thi đấu đối kháng

- Mỗi đơn vị được cử 01 VĐV thi đấu ở 1 hạng cân.

- Điều kiện thi đấu đối kháng:

+ VĐV phải có đẳng cấp từ Lam đai I (Lam đai nhất cấp) trở lên.

+ Thẻ đẳng cấp Vovinam do Liên đoàn Vovinam tỉnh Bình Phước cấp (đối với VĐV các cấp Lam đai) và Liên đoàn Vovinam Việt Nam cấp (đối với VĐV từ Hoàng đai trở lên)

+ Thẻ đẳng cấp được kiểm tra cùng thẻ VĐV trước khi thi đấu.

5. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

5.1. Luật thi đấu: Áp dụng Luật thi đấu Vovinam do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành kèm theo Quyết định số 304/QĐ-TCTDTT ngày 23/3/2018.

5.2. Trang phục: Quần áo võ phục, binh khí, bảo hiểm hạ bộ, răng, băng tay của VĐV đơn vị trang bị (*áo giáp, găng tay, mũ bảo hộ do Ban Tổ chức trang bị*).

5.3. VĐV đăng ký ở hạng cân nào thì bốc thăm, xếp lịch thi đấu ở hạng cân đó. Ban tổ chức sẽ bố trí cân để các VĐV cân thử, điều chỉnh danh sách đăng ký chính thức trước buổi họp chuyên môn, bốc thăm xếp lịch.

5.4. VĐV tham gia thi đấu đối kháng trong ngày sẽ cân chính thức vào 7 giờ sáng cùng ngày, những VĐV thừa cân sẽ bị loại, VĐV còn lại thắng kỹ thuật.

5.5. Thời gian thi đấu đối kháng

- THCS: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30 giây, nghỉ giữa các hiệp 1 phút;

- THPT: mỗi trận thi đấu 3 hiệp, mỗi hiệp 1 phút 30 giây, nghỉ giữa các hiệp 1 phút.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 17. MÔN KARATE

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

VĐV thi đấu môn Karate bắt buộc phải có giấy chứng nhận cấp đai tối thiểu 7 (đai vàng) do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bình Phước cấp hoặc văn bằng đẳng môn Karate do Tổng cục TDTT cấp.

2. Tính chất: Thi đấu cá nhân và đồng đội.

3. Nội dung

3.1. Cấp TH

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV;

- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV;

- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;

3.2. Cấp THCS

- Thi Kata đồng đội nam 03 VĐV;

- Thi Kata đồng đội nữ 03 VĐV;

- Thi Kata cá nhân: Mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;

- Thi Kumite đồng đội nam: 05 VĐV + 02 dự bị (Từ 40 kg đến không quá 70kg);

- Thi Kumite đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị (Từ 40 kg đến không quá 60 kg);

- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV tham gia cho mỗi hạng cân:

+ Nam: Đến 40kg, đến 45kg, đến 50kg, đến 55kg, đến 60kg, đến 65kg, đến 70kg, 75kg.

+ Nữ: Đến 36kg, đến 40kg, đến 44kg, đến 48kg, đến 52kg, đến 56kg, đến 60kg, 64kg.

3.3. Cấp THPT

- Thi Kata Đồng đội nam: 03 VĐV;
- Thi Kata Đồng đội nữ: 03 VĐV;
- Thi Kata Cá nhân: 01 VĐV nam, 01 VĐV nữ;
- Thi Kumite Đồng đội nam: 05 VĐV nam + 02 dự bị (từ 44kg đến không quá 60kg);
- Thi Kumite Đồng đội nữ: 03 VĐV + 01 dự bị (từ 40kg đến không quá 57kg);
- Thi Kumite cá nhân nam và cá nhân nữ mỗi đơn vị được đăng ký 01 VĐV dự thi ở mỗi hạng cân:
 - + Thi Kumite cá nhân nam ở các hạng cân: không quá 44kg, 48kg, 52kg, 56kg, 60kg, 64kg, 68kg, 73kg, 80kg;
 - + Thi Kumite cá nhân nữ ở các hạng cân: không quá 37kg, 40kg, 43kg, 46kg, 49kg, 53kg, 57kg, 62kg, 66kg.

4. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

4.1. Luật thi đấu: Áp dụng theo Luật của Liên đoàn Karate thế giới (WKF) do Tổng cục TDTT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành năm 2020 và một số văn bản sửa đổi hiện hành.

4.2. Thời gian thi đấu nội dung kumite

- THCS: thi đấu 1 phút 30, nghỉ giữa hiệp 45 giây;
- THPT: thi đấu 2 phút 00, nghỉ giữa hiệp 01 phút.

4.3. Thể thức thi đấu: Loại trực tiếp

4.4. Trang phục

- Quần áo võ phục Karate đúng theo quy định;
- Các dụng cụ bảo vệ hạ bộ, bọc răng, găng tay của VĐV tự trang bị. *Riêng giáp bảo vệ ngực, găng tay 2 màu (xanh, đỏ), đai 2 màu (xanh, đỏ); bảo vệ xương ống quyển, xương mu bàn chân 2 màu (xanh, đỏ) do Ban Tổ chức trang bị;*

5. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi

Điều 18. MÔN VÕ CỔ TRUYỀN

1. Đối tượng: Theo quy định tại khoản 2, Điều 4 của Điều lệ này.

2. Nội dung thi đấu: Thi quyền cấp TH, THCS và THPT

2.1. Cấp TH

2.1.1. Bài căn bản công pháp số I (27 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);
- Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp I (27 động tác).

2.1.2. Bài Thần Đờng Quyền

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

2.2. Cấp THCS

2.2.1. Bài căn bản công pháp số II (36 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);
- Nội dung đối luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp II (36 động tác).

2.2.2. Bài Ngọc Trản Quyền

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);
- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

2.3. Cấp THPT

2.3.1. Bài Căn bản công pháp số III (45 động tác)

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;
- Nội dung song luyện (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ); 6

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ); 12

- Nội dung đôi luyện (từ 02 - 05 VĐV): Nội dung bài thi do từng đơn vị tự biên soạn, yêu cầu phải phù hợp với 03 bài Võ cổ truyền Căn bản công pháp số III (45 động tác).

2.3.2. Bài Lão Mai Quyên

- Nội dung biểu diễn cá nhân cho cả nam và nữ;

- Nội dung đôi (02 VĐV) gồm: đôi nam, đôi nữ, đôi nam + nữ (01 VĐV nam + 01 VĐV nữ);

- Nội dung đồng đội (04 VĐV) gồm: đội nam, đội nữ, đội nam + nữ (02 VĐV nam + 02 VĐV nữ);

3. Số lượng VĐV tham gia: Mỗi vận động viên chỉ được đăng ký tham gia thi đấu tối đa 03 nội dung. Mỗi đơn vị tham gia đối đa 6 nội dung thi đấu của 2 bài quy định của mỗi cấp học.

4. Luật thi đấu và thời gian thi đấu

4.1. Luật thi đấu: Thi đấu theo Luật Võ Cổ truyền Việt Nam do Tổng Cục TDTT ban hành năm 2016.

4.2. Trang phục: Trang phục Võ Cổ truyền Việt Nam theo quy định của Liên đoàn Võ Cổ truyền Việt Nam.

5. Cách tính điểm và xếp hạng: Theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.

6. Giải thưởng: 01 giải nhất, 01 giải nhì, 02 giải ba cho mỗi nội dung thi.

Chương III

KHIẾU NẠI, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 19. KHIẾU NẠI

1. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật

1.1. Chỉ có lãnh đạo đoàn, huấn luyện viên mới có quyền khiếu nại. Khi khiếu nại phải có văn bản nộp cho Ban Trọng tài cuộc thi khi xảy ra sự cố. Các khiếu nại về chuyên môn, kỹ thuật, luật do Ban Trọng tài cuộc thi xử lý, giải quyết tại chỗ. Ban trọng tài cuộc thi phải giải quyết trước khi buổi thi kết thúc. Mọi cá nhân, đơn vị có liên quan phải phục tùng các quyết định của Ban Trọng tài cuộc thi về những vấn đề khiếu nại. Nếu thấy chưa thoả đáng có quyền khiếu nại lên Ban Tổ chức HKPD, nhưng không được cố tình kéo dài cuộc thi hoặc bỏ cuộc.

1.2. Không giải quyết các khiếu nại về điểm và kết quả đối với môn Thể dục.

2. Các khiếu nại về nhân sự

Trường đoàn gửi văn bản khiếu nại cho Ban Tổ chức cuộc thi. Ban Tổ chức sẽ giải quyết tại chỗ, trường hợp chưa có đủ điều kiện xử lý ngay sẽ bảo lưu để thẩm tra và xử lý sau (chậm nhất là 15 ngày sau khi HKPD kết thúc) và thông báo lại với đơn vị có đơn khiếu nại bằng văn bản.

Điều 20. KHEN THƯỞNG

1. Căn cứ kết quả thi đấu của từng cá nhân và tập thể các đơn vị, Sở GD&ĐT khen thưởng như sau:

1.1. Tặng Huy chương Vàng, Bạc, Đồng và giải thưởng cho các cá nhân, đồng đội đạt thành tích Nhất, Nhì, Ba theo Điều lệ từng môn.

1.2. Tặng Giấy khen của Giám đốc Sở GD&ĐT cho các cán bộ, thành viên Ban Tổ chức, các tiểu ban và trọng tài có thành tích xuất sắc tại HKPD tỉnh.

1.3. Cấp Giấy chứng nhận đoạt “Huy chương” cho các cá nhân đạt thành tích xếp hạng từ thứ nhất đến thứ ba ở các nội dung thi của HKPD.

1.4. Tặng cờ và giải toàn đoàn (xếp theo thứ hạng về tổng số điểm và tham gia đủ các môn thi theo khoản 3 Điều 5 của Điều lệ này) cho các đơn vị có thành tích xuất sắc khối.

Điều 21. KỶ LUẬT

1. Bất kỳ cá nhân, đơn vị nào vi phạm Điều lệ, những quy định của Ban Tổ chức HKPD, Ban Tổ chức các cuộc thi khu vực và từng môn thể thao trong chương trình HKPD và có hành vi bỏ cuộc, kích động bỏ cuộc, tự ý kéo dài thời gian trong mọi tình huống tùy theo mức độ vi phạm sẽ áp dụng hình thức kỷ luật từ phê bình, cảnh cáo đến truất quyền thi đấu của VĐV, quyền chỉ đạo, huỷ bỏ thành tích thi đấu của cá nhân vi phạm và thành tích của đồng đội có cá nhân vi phạm.

2. Khiếu nại sai sự thật tùy theo mức độ BTC sẽ báo cáo lên Ban Giám Đốc và Hội đồng thi đua khen thưởng của ngành sẽ có hình thức xử lý kỷ luật và xem xét đánh giá thi đua đối với đơn vị vi phạm.

3. Ban Tổ chức HKPD sẽ kiến nghị Sở GD&ĐT không xếp loại thi đua theo tiêu chí đánh giá công tác thi đua của Sở GD&ĐT đối với đơn vị có vi phạm, chuyển Thanh tra Sở xử lý theo mức độ vi phạm, thông báo toàn ngành và kiến nghị Giám đốc Sở GD&ĐT xử lý kỷ luật đối với các cán bộ phụ trách đơn vị có vi phạm theo Chỉ thị số 15/2002/CT-TTg ngày 26/7/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc chống tiêu cực trong các hoạt động TD, TT.

4. Các đơn vị đăng kí VĐV nhưng không tham gia thi đấu hoặc tự ý bỏ cuộc mà không báo rõ lý do cho tổ trọng tài và BTC sẽ không được tính giải toàn đoàn, đồng thời thông báo về đơn vị để có hình thức xử lý./.